

Số: 40/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương
huyện Bắc Yên năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016; Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Sơn La năm 2017; Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về bổ sung Điểm 4.3 vào Khoản 4, Điều 2, Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3288/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2019; Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018; Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chỉ tiêu phân đầu thu ngân sách trên địa bàn năm 2019;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 2187/TTr-UBND ngày 11/12/2018; Báo cáo thẩm tra số 86/BC-BKTXH ngày 15/12/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi Ngân sách địa phương huyện Bắc Yên năm 2019 như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương 2019: 567.568.000.000 đồng;

1. Thu trên địa bàn: 122.500.000.000 đồng

- Thu từ XNQD:	60.000.000 đồng;
- Thu ngoài quốc doanh:	101.090.000.000 đồng;
+ Thuế TNDN:	500.000.000 đồng;
+ Thuế GTGT:	45.892.000.000 đồng;
+ Thuế tài nguyên:	54.500.000.000 đồng;
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt:	98.000.000 đồng;
+ Thu khác về thuế:	100.000.000 đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân:	1.400.000.000 đồng;
- Thu tiền thuê đất, mặt nước:	450.000.000 đồng;
- Thu tiền sử dụng đất:	10.800.000.000 đồng;
- Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:	4.000.000.000 đồng;
- Lệ phí trước bạ:	1.600.000.000 đồng;
- Phí và lệ phí:	1.000.000.000 đồng;
- Thu khác ngân sách:	2.100.000.000 đồng;
2. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên:	445.068.000.000 đồng;
- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	331.726.000.000 đồng;
Trong đó:	
+ Ngân sách huyện:	247.566.328.000 đồng;
+ Ngân sách xã:	84.159.672.000 đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu:	113.342.000.000 đồng;
II. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2019 là:	562.962.000.000 đồng
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	21.522.000.000 đồng;
- Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất:	9.180.000.000 đồng;
- Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung nguồn bổ sung cân đối được phân cấp:	12.342.000.000 đồng.
2. Chi thường xuyên	414.060.000.000 đồng;
- Chi sự nghiệp kinh tế :	15.741.000.000 đồng;

- Chi sự nghiệp giáo dục:	253.711.000.000 đồng;
- Chi sự nghiệp Văn hóa – Thông tin, thể dục – Thể thao, Truyền thanh – Truyền hình:	5.454.000.000 đồng;
- Chi đảm bảo xã hội:	19.797.000.000 đồng;
- Chi trung tâm chính trị:	2.071.000.000 đồng;
- Chi quản lý hành chính.	109.763.000.000 đồng;
- Chi quốc phòng, an ninh:	6.855.000.000 đồng;
- Chi khác ngân sách:	668.000.000 đồng;
3. Tăng thu 2019 (không bao gồm từ đất)	5.400.000.000 đồng;
4. Dự phòng ngân sách:	8.638.000.000 đồng;
5. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	113.342.000.000 đồng;
- Chương trình MTQG GNBV:	72.822.000.000 đồng;
- Chương trình MTQG XDNTM:	40.520.000.000 đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Bắc Yên khóa XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Nơi nhận:

- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UB MTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TC-KH, 125 bản.

CHỦ TỊCH



Lừ Văn Lày

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC YÊN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Biểu mẫu số 15

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	525.872.600	561.189.919	567.568.000	6.378.081	101,1
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	132.600.000	139.575.000	122.500.000	-17.075.000	87,8
-	Thu NSDP hưởng 100%	68.480.000	73.849.000	105.600.000	31.751.000	143,0
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	64.120.000	65.726.000	16.900.000	-48.826.000	25,7
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	393.272.600	405.067.315	445.068.000	40.000.685	109,9
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	314.124.000	304.439.513	331.726.000	27.286.487	109,0
	Trong đó:					
	Giảm trừ nguồn CCTL theo kết luận kiểm toán nhà nước	1.700.000	1.700.000		-1.700.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	77.448.600,0	100.627.802	113.342.000	12.714.198	112,6
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		14.847.604			
VI	Nguồn CCTL ngân sách huyện chuyển nguồn năm 2017 sang	1.700.000	1.700.000		-1.700.000	
B	TỔNG CHI NSDP	525.642.600	551.336.251	562.962.000	11.625.749	102,1
I	Tổng chi cân đối NSDP	448.194.000	469.612.074	444.220.000	-25.392.074	94,6
1	Chi đầu tư phát triển (1)	25.897.000	31.367.417	21.522.000	-9.845.417	68,6
2	Chi thường xuyên	408.526.000	430.073.657	414.060.000	-16.013.657	96,3
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	8.171.000	8.171.000	8.638.000	467.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	TĂNG THU 2019 (KHÔNG BAO GỒM TỪ ĐẤT). Dự kiến	5.600.000		5.400.000	5.400.000	
1	50% Thực hiện CCTL			2.700.000		
2	Trích dự phòng NS huyện (2%)			108.000		
3	Số thu chưa giao chi tiết			2.592.000		
III	Chi các chương trình mục tiêu	77.448.600	81.724.177	113.342.000	31.617.823	138,7
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	77.448.600	80.173.177	113.342.000	33.168.823	141,4
	- Chi chương trình MTQG giảm nghèo	54.405.600	50.482.177	72.822.000	22.339.823	144,3

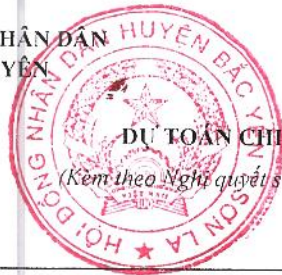
STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
	+ Vốn đầu tư	39.294.200	34.327.000	72.822.000	38.495.000	
	+ Vốn sự nghiệp	15.111.400	16.155.177	-	-16.155.177	
	- Chương trình MTQG xây dựng NTM	23.043.000	29.691.000	40.520.000	10.829.000	
	+ Vốn đầu tư	23.043.000	23.043.000	40.520.000	17.477.000	
	+ Vốn sự nghiệp		6.648.000		-6.648.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		1.551.000			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	139.575.000	134.560.038	122.500.000	119.574.000	87,8	88,9
I	Thu nội địa	139.575.000	134.560.038	122.500.000	119.574.000	87,8	88,9
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (I) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	42.500	42.500	60.000	60.000	141,2	141,2
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	113.543.500	113.543.500	101.090.000	101.090.000	89,0	89,0
	- Thuế GTGT	64.010.000	64.010.000	45.892.000	45.892.000	71,7	71,7
	- Thuế TNDN	401.000	401.000	500.000	500.000	124,7	124,7
	- Thuế Tài nguyên	49.017.500	49.017.500	54.500.000	54.500.000	111,2	111,2
	- Thuế TTĐB	115.000	115.000	98.000	98.000	85,2	85,2
	- Thu khác			100.000	100.000		
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.200.000	1.200.000	1.400.000	1.400.000	116,7	116,7
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	1.400.000	1.400.000	1.600.000	1.600.000	114,3	114,3
8	Thu phí, lệ phí	1.660.000	1.660.000	1.000.000	1.000.000	60,2	60,2
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000	35.000			0,0	0,0
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	155.000	155.000	450.000	450.000	290,3	290,3
12	Thu tiền sử dụng đất	15.500.000	13.175.000	10.800.000	10.800.000	69,7	82,0
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	4.000	4.000				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	3.490.000	1.030.038	4.000.000	1.200.000		
16	Thu khác ngân sách	2.545.000	2.315.000	2.100.000	1.974.000	82,5	85,3
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						



ĐƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP SAU KHI GIẢM TRỪ THEO KẾT LUẬN KTN	525.642.600	562.962.000	37.319.400	107,1
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	448.194.000	449.620.000	1.426.000	100,3
I	Chi đầu tư phát triển (1)	25.897.000	21.522.000	-4.375.000	83,1
1	Chi đầu tư cho các dự án		21.522.000		
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.000.000	9.180.000	-5.820.000	61,2
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			0	
-	Chi đầu tư XD CBTT	10.897.000	12.342.000	1.445.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên. Trong đó:	408.526.000	414.060.000	5.534.000	101,4
1	Chi giáo dục - đào tạo	241.672.000	253.711.000	12.039.000	105,0
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			0	
V	Dự phòng ngân sách	8.171.000	8.638.000	467.000	105,7
	- Dự phòng Ngân sách huyện	6.670.000	7.031.000	361.000	105,4
	- Dự phòng Ngân sách xã	1.501.000	1.607.000	106.000	107,1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
VII	Tăng thu NS không bao gồm thu từ đất - DK giao khi phát sinh số thu:	5.600.000	5.400.000	-200.000	
1	50% Thực hiện CCTL		2.700.000		
2	Trích dự phòng NS huyện (2%)		108.000		
3	Số thu chưa giao chi tiết		2.592.000		
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	77.448.600	113.342.000	35.893.400	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	54.405.600	72.822.000	18.416.400	
1	Dự án 1: Chương trình 30a	35.684.600	54.342.000	18.657.400	
-	Vốn đầu tư	25.728.200	54.342.000	28.613.800	
-	Vốn sự nghiệp	9.956.400		-9.956.400	
2	Dự án 2: Chương trình 135	18.721.000	18.480.000	-241.000	
-	Vốn đầu tư	13.566.000	18.480.000	4.914.000	
-	Vốn sự nghiệp	5.155.000		-5.155.000	
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (VĐT)	23.043.000	40.520.000	17.477.000	
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				